TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN I** **TỈNH KON TUM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 02/2023/QĐST- DS	*I, ngày 04 tháng 5 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 26 tháng 4 năm 2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 02/2023/TLST-DS, ngày 29 tháng 3 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Minh H, sinh năm 1985.
- Bị đơn: Chị Đặng Thị M, sinh năm 1984.

Cùng địa chỉ: Thôn 2, xã I, huyện I, tỉnh Kon Tum.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Chị Đặng Thị M có nghĩa vụ trả nợ cho chị Phạm Thị Minh H số tiền là 99.287.000 *(Chín mươi chín triệu, hai trăm tám mươi bảy nghìn)*.

- Về phương thức trả nợ: Trả làm 10 lần, mỗi lần trả số tiền 9.928.700 *(Chín triệu chín trăm hai mươi tám nghìn bảy trăm)* đồng.

+ Lần 01: Vào ngày 15/5/2023, trả số tiền là 9.928.700 đồng.
+ Lần 02: Vào ngày 15/6/2023, trả số tiền là 9.928.700 đồng.
+ Lần 03: Vào ngày 15/7/2023, trả số tiền là 9.928.700 đồng.
+ Lần 04: Vào ngày 15/8/2023, trả số tiền là 9.928.700 đồng.
+ Lần 05: Vào ngày 15/9/2023, trả số tiền là 9.928.700 đồng.
+ Lần 06: Vào ngày 15/10/2023, trả số tiền là 9.928.700 đồng.
+ Lần 07: Vào ngày 15/11/2023, trả số tiền là 9.928.700 đồng.
+ Lần 08: Vào ngày 15/12/2023, trả số tiền là 9.928.700 đồng.
+ Lần 09: Vào ngày 15/01/2024, trả số tiền là 9.928.700 đồng.
+ Lần 10: Vào ngày 15/02/2024, trả số tiền là 9.928.700 đồng.

Căn cứ Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015:

Kể từ thời điểm trả nợ do các bên đương sự thỏa thuận và bên được thi hành

án có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền nói trên mà bên phải thi hành án chậm trả số tiền cho bên được thi hành án thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất chậm trả thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 144; khoản 3 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Chị Đặng Thị M phải chịu 2.482.175 *(Hai triệu, bốn trăm tám mươi hai nghìn, một trăm bảy mươi lăm)* đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho chị Phạm Thị Minh H số tiền tạm ứng án phí là 2.482.175 *(Hai triệu, bốn trăm tám mươi hai nghìn, một trăm bảy mươi lăm)* đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0004243 ngày 29/3/2023 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện I.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND huyện I;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện I;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lý Trọng Nguyên